

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

■ PGS.TS. PHẠM VĂN ĐỨC

Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nay, phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu và chiến lược của hầu hết các nước trên thế giới. Mỗi nước căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình đề ra chủ trương và chiến lược phát triển với những mục tiêu cụ thể. Để có được những chủ trương, chiến lược phát triển đúng đắn rất cần đến sự đóng góp của khoa học xã hội (KHXH). Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện chủ trương và chiến lược phát triển bền vững riêng của mình; trong đó, KHXH Việt Nam đã có những đóng góp thiết thực và hiệu quả.

1. Quan niệm về phát triển bền vững

Cho đến những năm đầu của thế kỷ XXI, *phát triển bền vững* đã trở thành một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn rất quen thuộc đối với các học giả; đồng thời, là chủ đề thời sự được bàn thảo nhiều trên các diễn đàn quốc gia và quốc tế, thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp xã hội.

Xét về nguồn gốc, thuật ngữ *phát triển bền vững* ra đời từ thập niên 1970 và bắt đầu thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu về môi trường và phát triển quốc tế nhờ sự ra đời của công trình *Chiến lược bảo tồn thế giới* (1980)⁽¹⁾. Sau đó, tư tưởng về phát triển bền vững được trình bày trong một loạt công trình, như *Tương lai chung của chúng ta* (1987), *Chăm lo cho trái đất* (1991)⁽²⁾... Khi nói về sự phát triển bền vững, người ta thường sử dụng hai định nghĩa đã được nêu ra trong các cuốn sách

nói trên. Trong cuốn *Tương lai chung của chúng ta*, phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai; còn trong cuốn *Chăm lo cho trái đất*, phát triển bền vững được xác định là việc nâng cao chất lượng đời sống con người khi đang tồn tại trong khuôn khổ bảo đảm các hệ sinh thái. Nhìn chung, cả hai định nghĩa đó đều quy *phát triển bền vững về việc sử dụng một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sao cho thế hệ hôm nay phát triển được mà không làm ảnh hưởng đến tương lai của các thế hệ sau*.

Như vậy, phát triển bền vững là sự phát triển bảo đảm tăng trưởng kinh tế trên cơ sở sử dụng một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ được môi trường tự nhiên nhằm vừa có thể thỏa

mãn được nhu cầu của thế hệ hôm nay, vừa không làm ảnh hưởng đến điều kiện và khả năng thỏa mãn nhu cầu và môi trường sống của các thế hệ mai sau. Nội dung của khái niệm đó phản ánh các mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, giữa con người với con người. Điều đó được thể hiện cụ thể ở chỗ:

Thứ nhất, để phát triển kinh tế, thỏa mãn những nhu cầu của bản thân mình và xã hội, con người buộc phải khai thác tự nhiên, sử dụng những nguyên vật liệu có sẵn của tự nhiên. Trong lịch sử triết học, đã từng tồn tại 2 lý thuyết nổi tiếng, đó là *lý thuyết con người thống trị, làm chủ tự nhiên* (lý thuyết chủ đạo của triết học phương Tây) và *lý thuyết con người sống phụ thuộc và hài hòa với tự nhiên* (lý thuyết chủ đạo trong triết học phương Đông). Cả hai lý thuyết đó đều chứa đựng những giá trị tích cực, đồng thời cũng chứa đựng một số bất cập, hạn chế.

Trên thực tế, con người không bao giờ có thể hoàn toàn thống trị được tự nhiên; đồng thời, con người cũng không thể tồn tại được, chứ chưa nói đến phát triển, nếu không khai thác tự nhiên, không làm chủ tự nhiên. Trong trường hợp thứ nhất, khi nói về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C. Mác đã từng khẳng định: "Giới tự nhiên... - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên"⁽³⁾. Thừa nhận và khẳng định quyền năng to lớn của con người trước tự nhiên, song với nhãn quan duy vật biện chứng và tầm nhìn vượt thời đại, Ph. Ăngghen cho rằng, chúng ta hoàn toàn không thể thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên; đồng thời, ông cảnh báo con người không nên quá tự hào về thắng lợi của mình đối với giới tự nhiên, bởi mỗi kết quả mà con người coi là một kỳ tích chinh phục tự nhiên, tới một lúc nào đó, có thể gây ra *những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được*⁽⁴⁾. Lịch sử phát triển của xã hội loài người kể từ khi xuất

hiện nền đại công nghiệp đã chứng minh cho tính đúng đắn và khoa học trong dự báo thiên tài về vấn đề này của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác.

Trong trường hợp thứ hai, con người cũng không thể tồn tại được, càng không thể thoát khỏi thế giới động vật để trở thành con người theo đúng nghĩa nếu không khai thác và cải biến tự nhiên. Như chúng ta đã biết, trước nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và khủng hoảng môi trường sống, thay vì tìm kiếm những giải pháp khôn ngoan hơn để vừa bảo đảm sự phát triển của mình, vừa bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường sống, trong những năm qua, một số người muốn phục hồi quan niệm tự nhiên chủ nghĩa về lịch sử dưới một hình thức mang tính cực đoan - trở lại lối sống nguyên thủy, hoang dã kiểu bầy đàn. Về thực chất, đó chỉ là một phản ứng tiêu cực, bởi nó kéo lùi lịch sử trở lại thời kỳ mông muội của loài người, phản ánh sự bế tắc trong quan niệm và lối sống của một nhóm người trước tình trạng môi trường sống bị hủy hoại và có nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng.

Do đó, một quan điểm đúng đắn, khoa học về phát triển phải là sự tích hợp những giá trị, cách giải quyết hợp lý những bất cập, mâu thuẫn của cả hai lý thuyết nói trên. Quan niệm về phát triển bền vững đã đáp ứng được những yêu cầu bức thiết đó. Theo đó, để tồn tại và phát triển, xét từ phương diện kinh tế, con người phải khai thác tự nhiên, nhưng không phải là sự khai thác tùy tiện, bừa bãi, vô trách nhiệm mà là sự khai thác *hợp lý, có trách nhiệm* nhằm bảo đảm cho tự nhiên không bị hủy hoại, trái lại tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của con người và xã hội loài người. Nói cách khác, phát triển bền vững thể hiện một sự phát triển mới về chất cả trong nhận thức lẫn hành động của con người, được hình thành một cách tự giác trên cơ sở nhận thức được quy luật khách quan, tất yếu của tự nhiên, trong đó con người và xã hội loài người là một bộ phận không thể tách rời.

Thứ hai, phát triển bền vững giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người với con người (mối quan hệ giữa các thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau). Theo quan điểm phát triển bền vững, các thế hệ hôm nay có thể khai thác tài nguyên thiên nhiên để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mình, nhưng sự khai thác đó phải làm sao vừa bảo đảm tài nguyên không bị cạn kiệt, vừa có thể bổ sung, tái tạo được

để cho các thế hệ tương lai có cơ hội và điều kiện cần thiết nhằm tồn tại và phát triển. Điều đó, *một mặt*, thể hiện sự công bằng giữa các thế hệ, trách nhiệm của thế hệ hiện tại đối với các thế hệ tương lai; *mặt khác*, thể hiện thái độ ứng xử văn hóa, đạo đức của thế hệ trước đối với các thế hệ tương lai.

Cả hai nội dung trên đây thể hiện những quan hệ khác nhau (quan hệ giữa con người và tự nhiên, quan hệ giữa con người với con người), đều biểu thị *trách nhiệm của con người với môi trường - ngôi nhà chung và trách nhiệm của mỗi con người với đồng loại*. Đây chính là nội dung văn hóa của sự phát triển bền vững.

2. Vai trò của KHXH đối với phát triển bền vững

Như đã biết, khoa học là một hệ thống tri thức mà nhân loại đã tích lũy được trong suốt quá trình lịch sử. Hệ thống tri thức đó được phân chia thành các lĩnh vực khoa học khác nhau, như khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học kỹ thuật, KHXH, v.v.. Theo đó, *KHXH là một hệ thống những tri thức về xã hội và con người*. Nhiệm vụ của KHXH là nghiên cứu nhằm phát hiện quy luật của sự hình thành, phát triển của con người và xã hội loài người, làm rõ quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội và giữa con người với giới tự nhiên.

Hiện đang có những cách hiểu khác nhau về phân loại KHXH cũng như mối quan hệ giữa KHXH và khoa học nhân văn. Ở đây, chúng tôi sử dụng thuật ngữ KHXH theo nghĩa rộng, tức là bao hàm cả các ngành KHXH và khoa học nhân văn.

Phải khẳng định rằng, trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, KHXH có đóng góp ngày càng to lớn vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội nói chung, vào việc xây dựng quan điểm và chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng. Điều này được thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, KHXH truyền bá những tri thức về phát triển bền vững. Có thể nói, tri thức về phát triển bền vững là thành quả mà nhân loại đã đúc rút và tích lũy trong suốt quá trình phát triển nhiều thế kỷ. Mặc dù thuật ngữ *phát triển bền vững* mới xuất hiện và được sử dụng rộng rãi từ thập niên 1980, nhưng những nội dung cơ bản của nó đã được nhiều học thuyết, nhiều nhà tư tưởng nêu ra trước đó rất lâu. Chẳng hạn, nhiều học thuyết triết học, nhà tư tưởng phương Đông thời cổ đại đã nói đến

sự hài hòa giữa con người và tự nhiên trong quá trình phát triển, khuyên con người phải đối xử công bằng với tự nhiên, coi tự nhiên như thân thể hữu cơ của con người.

Với tư cách một ngành khoa học về xã hội và con người, KHXH Việt Nam không ngừng truyền bá những tri thức của nhân loại về phát triển bền vững; đồng thời, luận chứng thêm tính đúng đắn và sự cần thiết phải áp dụng lý thuyết đó vào sự phát triển của Việt Nam. Rất nhiều các nghiên cứu về KHXH ở Việt Nam từ thập niên 1970 đã cảnh báo về ô nhiễm môi trường và nạn phá rừng ở Việt Nam; đồng thời, đưa ra những khuyến nghị rằng nếu không chú ý đến vấn đề môi trường, nếu không ngăn chặn nạn chặt phá rừng thì những kết quả của phát triển kinh tế không thể bù đắp được những thảm họa môi trường.

Thứ hai, một trong những nhiệm vụ quan trọng của KHXH là góp phần nghiên cứu và cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phát triển của đất nước. Thực hiện nhiệm vụ đó, trong những năm qua, các ngành KHXH của Việt Nam đã tích cực tham gia vào việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam từ góc độ của mình.

Nhờ những đóng góp của KHXH, quan điểm về phát triển bền vững (sau này là nhanh và bền vững) không ngừng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Điều đó được thể hiện một cách cụ thể trong các văn kiện đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước hết, cần khẳng định rằng, do sớm nhận thức được ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của phát triển bền vững, ở Việt Nam phát triển bền vững được đề ra từ thập niên 1980 và đã trở thành mục tiêu chiến lược. Cùng với thời gian, khái niệm phát triển bền vững đã có sự thay đổi về nội hàm và ngày càng được bổ sung thêm những nội dung mới. Việt Nam đã và đang chủ trương xây dựng chiến lược phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Chiến lược đó được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định trong văn kiện Đại hội IX và tiếp tục được phát triển thêm trong các văn kiện Đại hội X, XI.

Khi nói về quan điểm phát triển, Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ mục tiêu

của sự phát triển là “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”; “tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh”⁽⁵⁾.

Chúng ta có thể nhận thấy rằng, trong văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, khái niệm phát triển bền vững, ngoài nội dung tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, còn có thêm nội dung mới; đó là *kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh*. Như vậy, nếu khái niệm phát triển bền vững, theo quan niệm gốc, “kinh điển”, chủ yếu nói đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa người và người trong quan hệ với tự nhiên, thì trong quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển bền vững tại Đại hội IX, ngoài quan hệ giữa con người với tự nhiên còn đề cập đến nhiều mối quan hệ xã hội khác, như quan hệ giữa lĩnh vực kinh tế với lĩnh vực xã hội, giữa văn hóa với an ninh - quốc phòng.

Không dừng lại ở đó, đến Đại hội X, trên cơ sở tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu lên 5 bài học kinh nghiệm quý báu, trong đó bài học quan trọng đầu tiên là *bài học về phát triển nhanh và bền vững*. Nội dung bài học đó được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau: 1) Phát triển nhanh phải đi đôi với tính bền vững. Điều đó phải được kết hợp ở cả tầm vĩ mô lẫn vi mô, ở cả tầm ngắn hạn lẫn dài hạn; 2) Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; 3) Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức; 4) Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo; 5) Phải coi trọng bảo vệ và cải thiện

môi trường ngay trong từng bước phát triển; 6) Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững⁽⁶⁾.

Cùng với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, *phát triển nhanh và bền vững* là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay. Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ quan điểm về phát triển đất nước trong giai đoạn mới, trong đó khẳng định *phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững* là nội dung quan trọng hàng đầu: “Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững”⁽⁷⁾.

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* được Đại hội lần thứ XI của Đảng thông qua, quan điểm về phát triển bền vững tiếp tục được cụ thể hóa; trong đó, khẳng định trước hết cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau: 1) Kiên quyết giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước. Đây là *điều kiện tiên quyết nhất* cho sự phát triển nhanh và bền vững; 2) Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; giữ vững an ninh lương thực, năng lượng và sự hoạt động an toàn, hiệu quả của các định chế tài chính; 3) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đảm bảo đạt tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng; 4) Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người dân trong việc thụ hưởng các thành tựu

phát triển, nhất là các dịch vụ cơ bản và phúc lợi xã hội; 5) Không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ rộng rãi, nhất là dân chủ trực tiếp, xây dựng xã hội đồng thuận, cởi mở và đoàn kết; 6) Tăng trưởng kinh tế phải gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường.

Đại hội XII của Đảng, khi đánh giá kết quả của 30 năm đổi mới, đã chỉ rõ những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà chúng ta đạt được, đó là đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Kinh tế tăng trưởng khá; văn hóa, xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống nhân dân có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, như kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân còn chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của phát triển.

Trên cơ sở đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015) và nhìn lại 30 năm đổi mới (1986-2016), Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, trong thời gian tới, cần “tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực của đất nước, tạo động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững”⁽⁸⁾. Để đạt mục tiêu tổng quát – phát triển *nhANH và BỀN VỮNG*, Đại hội XII đã xác định rõ một số nhiệm vụ tổng quát cơ bản sau: 1) Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực kinh tế; 2) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; 4) Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người

Việt Nam phát triển toàn diện; 5) Quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; 6) Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; 7) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; 8) Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; 9) Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các mối quan hệ lớn được nêu ra tại Đại hội XI của Đảng⁽⁹⁾.

Có thể nói, đây là những nội dung cơ bản trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam. Chiến lược đó thể hiện khá rõ sự kết hợp giữa quan điểm truyền thống, kinh điển với quan điểm mới, riêng của Việt Nam. Trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam, chúng ta có thể nhận thấy:

Một là, yếu tố ổn định chính trị - xã hội được xem là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững. Những sự kiện chính trị ở một số nước trên thế giới hiện nay đã chứng minh rằng, nếu không có sự ổn định về chính trị thì không thể nói đến phát triển, chứ chưa nói đến phát triển bền vững.

Hai là, chiến lược phát triển nhanh, bền vững tập trung nâng cao chất lượng phát triển, kết hợp giữa phát triển kinh tế với việc phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, với việc coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển. Nói cách khác, chiến lược phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam hướng tới đồng thời cả 3 mục tiêu kinh tế, xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Ba là, chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam đã đề cập một cách khá toàn diện các khía cạnh khác nhau của sự phát triển, trong đó nổi lên việc giải quyết *hài hòa các mối quan hệ*, như sự hài hòa giữa phát triển nhanh và bền vững, giữa tăng trưởng về số lượng và nâng cao chất lượng, giữa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu; sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ và cải thiện môi trường, v.v.. Do vậy, có thể khẳng định rằng, *hài hòa* là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược phát triển bền vững.

Bốn là, vấn đề trọng tâm, mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển bền vững chính là vấn đề dân sinh. Các nội dung của chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam vừa trình bày ở trên, một cách trực tiếp hay gián tiếp, xét đến cùng, không hướng đến mục tiêu nào khác hơn là vì con người, cho con người. Chiến lược phát triển nhanh và bền vững đã chú trọng đến chất lượng của sự tăng trưởng kinh tế, những mục tiêu của sự tăng trưởng hướng tới sự phát triển toàn diện của con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, với việc coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển. Rõ ràng, với những nội dung cơ bản đó, chiến lược phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam hướng tới mục tiêu tối thượng là chất lượng sống của con người cả trong hiện tại lẫn tương lai, giải quyết ngày càng tốt hơn vấn đề dân sinh, bảo đảm cho mọi người dân có cuộc sống đầy đủ, ấm no và hạnh phúc; làm cho tất cả mọi người được giàu có về đời sống vật chất và phong phú về đời sống tinh thần. Trên thực tế, chiến lược phát triển nhanh, bền vững là phương thức hữu hiệu bảo đảm cho sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh”.

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* được Đại hội XI của Đảng thông qua đã xác định rõ những mục tiêu chủ yếu về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường theo hướng phát triển bền vững. *Về kinh tế*: phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7 - 8%/năm; GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP; giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 2,5 - 3%/năm; thực hành tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực, nhất là nguồn tài nguyên thiên nhiên. *Về văn hóa, xã hội*: xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; đến năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức khoảng 1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, đào

tao nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm; phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được bảo đảm; phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. *Về môi trường*: tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường; đến năm 2020, hầu hết dân cư được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh; các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường; cải thiện và phục hồi môi trường ở những khu vực bị ô nhiễm nặng; hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng⁽¹⁰⁾. Đó là những mục tiêu cụ thể nhằm từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh mới, để thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển nhanh và bền vững, chúng ta cần tiếp tục tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, đổi mới mạnh mẽ về tư duy phát triển, quán triệt trong mọi chính sách, kế hoạch, dự án và chương trình hành động; tổ chức thực hiện rộng khắp ở tất cả các cấp, các ngành với sự đồng thuận tham gia của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng các chủ thể kinh tế và mọi công dân.

Thứ ba, KHXH xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KHXH cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nguồn nhân lực KHXH, theo nghĩa rộng, chính là những con người có hiểu biết KHXH, hiểu biết tri thức về phát triển bền vững. Theo nghĩa hẹp, nguồn nhân lực KHXH là những người chuyên làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về phát triển bền vững ở các viện, trung tâm nghiên cứu, trường... Nguồn nhân lực này được xem là một trong những vốn cơ bản nhất cho sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần đưa quan điểm, chủ trương phát triển bền vững vào thực tiễn cuộc sống. Thực tế cho thấy, trong những năm qua ở Việt Nam, nhiều khoa, viện,
(Xem tiếp trang 73)

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VÀ VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 24)

trường có chức năng nghiên cứu về phát triển bền vững; nhiều chương trình, tri thức về phát triển bền vững được đưa vào giảng dạy tại Việt Nam.

Thứ tư, KHXH thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn, phản biện cho các chủ trương, chính sách góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Tham mưu, tư vấn, phản biện là chức năng vốn có của các ngành khoa học nói chung và KHXH nói riêng. Thực tế cho thấy, từ khi đổi mới đến nay, vai trò tham mưu, tư vấn, phản biện của KHXH ngày càng được đề cao. Những đường lối, chủ trương, chính sách về phát triển đất nước nói chung, về phát triển bền vững nói riêng đã và đang được tiến hành lấy ý kiến đánh giá, thẩm định và phản biện từ các nhà khoa học. Nhờ đó, các quan điểm, chủ trương, chính sách về phát triển bền vững ngày càng có chất lượng hơn, sát hợp với thực tiễn cuộc sống hơn.

Thứ năm, KHXH Việt Nam góp phần tiếp thu các tri thức KHXH mới của các trường phái, trào lưu trên thế giới; đồng thời góp phần quảng bá, chia sẻ tri thức về phát triển bền vững của Việt Nam với các học giả trong khu vực trên thế giới. Trên phương diện này, KHXH đóng vai trò cầu nối tạo cơ hội cho việc giao lưu, học hỏi những kinh nghiệm và tri thức khoa học về phát triển bền vững giữa các học giả trong nước và các học giả nước ngoài. Sự giao lưu, học hỏi là hết sức cần thiết để có được những quan điểm riêng, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng nước.

Có thể khẳng định rằng, KHXH có vai trò vô

cùng to lớn đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới (1986) đến nay. Vai trò của KHXH đã và đang tiếp tục được phát huy trên 5 khía cạnh: 1) Tuyên truyền và phổ biến rộng rãi những tri thức về phát triển bền vững; 2) Xây dựng và cung cấp những luận cứ khoa học về phát triển bền vững; 3) Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KHXH về phát triển bền vững; 4) Tham mưu, tư vấn và phản biện các chủ trương, chính sách về phát triển bền vững; 5) Tiếp thu và trao đổi tri thức khoa học về phát triển bền vững. ■

(1) Xem: IUCN. *World conservation strategy: Living resource conservation for sustainable development*. IUCN, Gland, Switzerland, 1980.

(2) *World Commission on Environment and Development. Our common future*. Oxford University Press, Oxford and New York, 1987; IUCN/UNEP/WWF. *Caring for the earth: A strategy for sustainable living*. IUCN, Gland, Switzerland, 1991.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t.42, tr.135.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sdd, t.20, tr.654.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*: Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2001, tr.162, 89.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, tr.178 - 179.

(7) (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2011, tr.99, 103-106.

(8) (9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr.75 - 76,77-80.